

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ - ST  
Ngày: 30-8-2018  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thanh Phương

Bà Nguyễn Thị Thật

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký  
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Chân Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 352/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1982

HKTT: ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ tạm trú: 65A/3 tổ 14, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

***- Bị đơn:*** Anh Lương Ngọc H, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn Chị Phạm Thị Thu T trình bày:** Chị và anh Lương Ngọc H xây dựng gia đình với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Tân, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 02 tháng 6 năm 2010. Việc kết hôn do chị và Hùng đều tự nguyện. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Ngọc H. Nguyên nhân chị yêu

cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng, yêu thương nhau và đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung là cháu Lương Chí H1, sinh ngày 13/7/2011 và cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 02/11/2016. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Lương Ngọc H trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2018 và các lời khai tại hồ sơ:** Anh và Chị Phạm Thị Thu T xây dựng gia đình với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Tân theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 02/6/2010. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Anh H thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân anh có tìm gặp chị T để khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý gặp anh để hòa giải.

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung là cháu Lương Chí H1, sinh ngày 13/7/2011 và cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 02/11/2016. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

#### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh H không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Phạm Thị Thu T; giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Phạm Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lương Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 277 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị Phạm Thị Thu T và anh Lương Ngọc H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Ngọc H và Chị Phạm Thị Thu T xây dựng gia đình với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Tân, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 02/6/2010, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Chị T xin ly hôn với anh H với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Anh H cũng xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Do đó, có đủ căn cứ xác định anh H và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Anh Lương Ngọc H và Chị Phạm Thị Thu T có 02 người con chung là cháu Lương Chí H1, sinh ngày 13/7/2011 và cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 02/11/2016. Anh H và chị T thống nhất giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T nuôi con nhưng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của Chị Phạm Thị Thu T đối với anh Lương Ngọc H.

Xử cho Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Lương Ngọc H.

Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thu T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lương Chí H1, sinh ngày 13/7/2011 và cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 02/11/2016. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lương Ngọc H được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 003757 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Chị T đã nộp đủ tiền án phí).

3. Anh Lương Ngọc H và Chị Phạm Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Long Tân, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lâm**